

Bản án số: 04/2025/HS-ST

Ngày 22/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Kiên.

Ông Nguyễn Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lập Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1994 tại Thái Nguyên; hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (nay là: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Thái Nguyên); dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1974 và con bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1973; vợ: Trần Thị N, sinh năm 1998; con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; tạm giữ từ ngày 09/05/2025 đến ngày 12/05/2025; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: **Ông Nguyễn Văn C**, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn Á, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: Thôn Á, xã Đ, thành phố Hà Nội) - vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Chị Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là: Thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ) - vắng mặt.

- **Chị Kim Thị L1**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là: Thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ) - vắng mặt.

- **Anh Nguyễn Văn X**, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là: Thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ) - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 24/01/2025, Nguyễn Văn T điều khiển xe tải phục vụ cứu hộ trên cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên di chuyển về nhà. Khi di chuyển qua đường Q thuộc khu vực xã T, huyện S, Hà Nội thì phát hiện nhiều bình chịu áp lực (bồn chứa) của ông Nguyễn Văn C để tại bãi đất trống ở thôn Á, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội không có người trông giữ, T nảy sinh ý định trộm cắp bình chịu áp lực. Khoảng 03 giờ sáng ngày 25/01/2025, T điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 29C - 438.38 có cần cẩu và thùng màu xanh đến bãi đất đặt các bình chịu áp lực nêu trên và đỗ xe ở rìa đường, điều khiển cần cẩu đến vị trí 01 bình chịu áp lực đặt nằm, dùng dây buộc hai đầu của bình rồi dùng cần cẩu cẩu chiếc bình lên thùng xe chở về nhà. Sau đó, T gọi điện cho chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1987, trú tại: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc để bán chiếc bình vừa trộm cắp được, chị L đồng ý mua và hướng dẫn T chở bình đến cân tại trạm cân ở thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cân, T chở bình đến nhà chị L, hai bên thỏa thuận giá bán là 45.950.000 đồng (tương đương 25.000 đồng/kg x 1.838kg), T bớt cho chị L 200.000 đồng, chị L chuyển tiền vào tài khoản số 0396080333 của T mở tại A. Số tiền này, Thu chi T2 cá nhân hết. Khi phát hiện mất 01 bình chịu áp lực, ông C đã làm đơn trình báo Công an huyện S.

Khoảng 7 giờ sáng ngày 25/01/2025, chị L bán lại chiếc bình trên cho chị Kim Thị L1, sinh năm 1986, trú tại: thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 27.000 đồng/kg và bớt lại cho chị L1 226.000 đồng, chị L1 chuyển khoản cho chị L 49.400.000 đồng rồi chở bình về để nhờ tại bãi phế liệu của anh Kim Đình T3, sinh năm 1982, trú tại: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến ngày 26/2/2025, chồng chị L1 là anh Tạ Văn H vận chuyển chiếc bình trên về nhà. Chiều ngày 26/2/2025, ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1973, trú tại: Thôn Y,

xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc hỏi mua lại bình này với giá 40.000 đồng/kg, chị L1 đồng ý bán. Sau đó, ông X gọi điện bán cho ông Nguyễn Văn C với giá 43.000 đồng/kg, ông C đồng ý mua. Sáng ngày 27/02/2025, con rể ông X là anh Kim Đình L2, sinh năm 1996, trú tại: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, Vĩnh Phúc điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai gắn cầu, biển kiểm soát: 88C - 131.71 chở bình chịu áp lực trên đến bán cho ông C thì bị Cơ quan công an kiểm tra, bắt giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 123/KL-HĐ ngày 26/03/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện S kết luận: 01 (một) bình chịu áp lực model 10/1.0, Prod NO 16PNB03, sản xuất tháng 01/2016, equipment NO 21703104020161051, material 06Cr19Nf10, trọng lượng tại thời điểm thu được là 1.838kg, mua cũ lại tháng 9/2024 có giá trị 85.800.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 79/CT-VKS ngày 26/06/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai:* Sáng ngày 24/01/2025, bị cáo điều khiển xe tải cầu phục vụ cứu hộ trên cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên. Trên đường về, bị cáo nhìn thấy nhiều bình chịu áp lực, loại từ 1 tấn đến 2 tấn để rìa đường QL3 thuộc khu vực Ấp V, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 03 giờ ngày 25/01/2025, bị cáo một mình điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát: 29C - 438.38, có cần cẩu và thùng màu xanh từ nhà khu vực để bình chịu áp lực, bị cáo đỗ xe ở rìa đường gần chiếc bình chịu áp lực đặt nằm rồi điều khiển cần lên trên chiếc bình chịu áp lực, dùng dây buộc 02 đầu của chiếc bình và điều khiển cần đưa chiếc bình lên thùng xe ô tô trở về nhà. Sau đó, bị cáo gọi điện bán chiếc bình cho chị L với giá 25.000 đồng/kg, bình nặng 1.838kg, chị L chuyển 45.750.000 đồng vào tài khoản của bị cáo tại A. Bán xong, bị cáo điều khiển xe về nhà và chi tiêu hết số tiền trên. Đối với xe ô tô tải biển kiểm soát: 29C - 438.38 là xe do vợ chồng bị cáo mua nhưng chưa sang tên trước bạ, khi Cơ quan điều tra gọi bị cáo lên làm việc, bị cáo đã bán để lấy tiền trả lại cho chị L 45.750.000 đồng. Còn chiếc điện thoại bị cáo sử dụng để liên lạc bán chiếc bình chịu lực cho chị L đã bị hỏng không sử dụng được nên bị cáo vứt bỏ. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo được ở nhà chăm sóc bố mẹ, vợ con.

** Người bị hại là ông Nguyễn Văn C trình bày (bút lục 39, 43):* Ông làm nghề thu mua các loại bồn chịu áp lực chứa vật chất trong sản xuất. Khoảng tháng 09/2024, ông mua của người lạ 01 bồn chứa bằng inox, M: 10/10,

PROD.NO: 16PB03, MATERIAL: 06Cr19Ni10, EMPTY WT: 1921 Kg, DATE: 2016.01, EQUIPMENT NO: 21703104020161051, do Trung Quốc sản xuất với giá 85.8000.000 đồng. Sau đó, ông vận chuyển bình về để tại bãi đất trống của gia đình ở thôn Á, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội, không có người trông giữ. Đến ngày 25/01/2025, ông phát hiện bị mất chiếc bồn có đặc điểm trên nên đã trình báo Công an huyện S. Nay ông đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị Kim L trình bày (bút lục 56): Rạng sáng ngày 25/01/2025, T ở P, Thái Nguyên gọi điện hỏi chị có mua bồn chứa không, chị đồng ý mua. Đến 6 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô tải có cần cẩu chở 01 bồn chứa sang nhà chị, chị hướng dẫn T ra trạm cân gần đó để cân bồn, bồn nặng 1.838 kg, chị trả cho T 25.000 đồng/kg x 1.838 kg = 45.950.000 đồng, T bớt cho chị 200.000 đồng, chị chuyển vào tài khoản của T 45.750.000 đồng. Sau đó, chị bán lại chiếc bồn này cho chị L1 với giá 27.000 đồng/kg x 1.838 kg = 49.600.000 đồng, chị cũng bớt cho chị L1 200.000 đồng, còn 49.400.000 đồng. Trả tiền xong, chị L1 chở bồn về nhà. Khi mua, chị không biết bồn này do T trộm cắp mà có. Nay T đã bồi thường cho chị số tiền 45.750.000 đồng và chị cũng đã trả lại chị L1 49.400.000 đồng, chị không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Chị Kim Thị L1 trình bày (bút lục 60, 96): Chị làm nghề mua bán phế liệu. Khoảng 7 giờ sáng ngày 25/01/2025, chị L là người cùng thôn gọi điện hỏi chị có mua bồn chứa inox không, chị đồng ý mua với giá 27.000 đồng/kg x 1.838 kg = 49.600.000 đồng, chị L bớt cho chị 200.000 đồng, chị đã chuyển vào tài khoản của chị L 49.400.000 đồng và chở bồn về nhà. Khi mua, chị không biết bồn này do trộm cắp mà có. Đến ngày 26/02/2025, ông X hỏi mua lại chiếc bình này với giá 40.000 đồng/kg nhưng chưa trả tiền cho chị. Nay chị đã nhận đủ số tiền 49.400.000 đồng, chị không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Anh Nguyễn Văn X trình bày (bút lục 49): Ngày 26/02/2025, anh đi loanh quanh trong làng để tìm mua đồ phế liệu, sắt thép, inox để bán kiếm lời. Chiều cùng ngày, anh thấy tại nhà chị L1 có 01 bồn inox nên đã hỏi mua với giá 40.000 đồng/kg nhưng anh chưa trả tiền cho chị L1. Sau đó, anh nhắn tin cho anh C ở S hỏi có mua bồn inox không, anh C đồng ý mua với giá 43.000 đồng/kg, anh chụp ảnh bồn và thông số chiếc bồn gửi cho anh C. Đến tối cùng

ngày, anh bảo con rể là anh Kim Đình L2 điều khiển xe tải cầu chiếc bồn từ nhà chị L1 về để sáng hôm sau chở xuống cho anh C, anh không biết bồn này do trộm cắp mà có. Nay chiếc bồn đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu, anh cũng không bị thiệt hại gì nên không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội luận tội:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử phạt Nguyễn Văn T mức án từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ông Nguyễn Văn C đã nhận lại tài sản; chị Nguyễn Thị Kim L, chị Kim Thị L1 đã nhận lại số tiền mua tài sản trộm cắp của bị cáo; ông Nguyễn Văn X không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 03 giờ sáng ngày 25/01/2025, tại khu đất ở thôn Ấ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: Thôn Ấ, xã Đ, thành phố Hà Nội), Nguyễn Văn T lợi dụng sự sơ hở của ông Nguyễn Văn C đã lén lút trộm cắp 01 bình chịu áp lực model 10/1.0, Prod NO 16PNB03, sản xuất tháng 01/2016, equipment NO 21703104020161051, material 06Cr19Nf10, trọng lượng tại thời điểm thu được là 1.838kg giá trị 85.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như nêu trên là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết nhằm răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Bộ luật Hình sự đã quy định.

[2.1] Về nhân thân: Tính đến lần phạm tội này, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường, khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, sau khi phạm tội, bị cáo ra đầu thú; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với người phạm tội. Xét bị cáo nghề nghiệp không ổn định nên không áp dụng.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ông Nguyễn Văn C đã nhận lại tài sản; chị Nguyễn Thị Kim L đã nhận lại số tiền 45.750.000 đồng do bị cáo bồi thường; chị Kim Thị L1 đã nhận lại số tiền 49.400.000 đồng do chị L thanh toán và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự; ông Nguyễn Văn X không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người đại theo pháp luật của người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt **Nguyễn Văn T** 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản tài sản”. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Xác nhận Nguyễn Văn C đã nhận lại tài sản; chị Nguyễn Thị Kim L đã nhận lại 45.750.000 đồng và chị Kim Thị L1 đã nhận lại 49.400.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn X không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- *Đương sự.*
- Phòng THADS khu vực 7- Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 7 - Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND phường Trung Thành,
tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hồng

